

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 18-3 -2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thượng Văn Kình

Ông Huỳnh Tiến Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 498/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 448/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 1 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 498/2020/QĐHPT- HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Trung K, sinh năm 1982, địa chỉ: A, phường A1, thành phố A2, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Tân Tuyết H, sinh năm 1983, địa chỉ: B1, phường B2, thành phố B3, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Trung K trình bày:

Ông Kiên và bà H là vợ chồng, tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Cường vào năm 2008. Sau khi kết hôn nhận thấy phát sinh nhiều mâu thuẫn, rạn nứt vợ chồng đã không thể hàn gắn. Nguyên nhân do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng tư tưởng, quan điểm. Năm 2018 ông đã nộp đơn xin ly hôn một lần, nhưng sau đó ông rút đơn, sau khi rút đơn thì ông và bà H không thể hàn gắn tình cảm lại với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân

không thể kéo dài. Vì vậy, ông Kiên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H

- Về quan hệ hôn nhân: Ly hôn với bà Tân Tuyết H
- Về con chung: Ông K, bà H có 02 con chung cháu Trần Đình L, sinh năm 20/10/2009, cháu Trần Đình M, sinh ngày 13/02/2013, hiện nay hai cháu đang ở với bà H, sau khi ly hôn giao bà H sẽ nuôi cháu L và M. Ông K yêu cầu Tòa án không lấy lời khai hai cháu vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý hai cháu.
- Về cấp dưỡng: Ông K sẽ cấp dưỡng cho cháu L và cháu M mỗi cháu 10.000.000/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Tân Tuyết H trình bày: Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà H đều vắng mặt. Ngày 01/02/2021 bà H có đơn xin hoãn phiên tòa và nộp bản tự khai, bà H thống nhất với ông K về thời gian đăng ký kết hôn, về con chung ông K, bà H có 02 con chung cháu Trần Đình L, sinh năm 20/10/2009, cháu Trần Đình M, sinh ngày 13/02/2013. Bà H cho rằng thời gian gần đây ông K có nhiều thay đổi nên vợ chồng cũng có nhiều tranh cãi, nay bà không đồng ý ly hôn vì nghĩ đến các con, hiện tại bà đang nuôi hai con chung là cháu M và L, bà H yêu cầu Tòa án không lấy lời khai của hai cháu vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Về tài sản chung, nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà Tân Tuyết H vẫn giữ quan điểm không đồng ý ly hôn với ông Kiên, tuy nhiên nếu Tòa án cho ly hôn thì bà H đồng ý giao 02 con chung là cháu M và cháu L cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng cho hai con. Nguyên đơn ông Trần Trung K đồng ý nuôi hai con chung là cháu M và cháu L, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm. Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Ông K và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một vào số 37 quyển 01/2008 ngày 17/3/2008. Nay ông K có đơn xin ly hôn với bà H và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] *Các vấn đề có tranh chấp*: Ông K và bà H là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn số 37 quyền 01/2008 ngày 17/3/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Cường là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông K cho rằng sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông K, bà H hiện đã ly thân từ năm 2017. Bà H thừa nhận thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm nhưng bà không muốn ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý các con.

Ông K cho rằng vào năm 2018 ông đã nộp đơn xin ly hôn một lần, nhưng sau đó ông rút đơn, sau khi rút đơn thì ông và bà H không thể hàn gắn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng ông K, bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Kiên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn bà H là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Ông K, bà H có 02 con chung là cháu Trần Đình L, sinh năm 20/10/2009, cháu Trần Đình M, sinh ngày 13/02/2013, hiện nay hai cháu đang chung sống với bà H, ông K không ở chung với hai con và bà H từ năm 2017, để tránh xáo trộn về đời sống và việc học của hai con cũng như để tạo điều kiện cho hai con cùng phát triển, quá trình giải quyết vụ án, ông K đồng ý giao bà H sẽ nuôi cháu L và cháu M. Ông Kiên sẽ cấp dưỡng cho mỗi cháu 10.000.000 đồng/tháng. Ông Kiên, bà H cùng yêu cầu Tòa án không lấy lời khai của hai cháu vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu.

Tại phiên tòa: Bà Tân Tuyết H vẫn giữ quan điểm không đồng ý ly hôn với ông K, tuy nhiên nếu Tòa án cho ly hôn thì bà H đồng ý giao 02 con chung là cháu M và cháu L cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng cho hai con chung. Nguyên đơn ông Trần Trung K đồng ý nuôi hai con chung là cháu Minh và cháu L, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trần Đình L, sinh năm 20/10/2009, cháu Trần Đình M, sinh ngày 13/02/2013 cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] *Về cấp dưỡng*: Bà H không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Trung K phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trung K về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" đối với bị đơn bà Tân Tuyết Hương

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung K được ly hôn với bà Tân Tuyết H

Về con chung: Bà Tân Tuyết H giao hai con chung cho ông Trần Trung K được trực tiếp nuôi dưỡng là cháu Trần Đình L, sinh năm 20/10/2009, cháu Trần Đình M, sinh ngày 13/02/2013.

Bà Tân Tuyết H được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp bà H lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của ông Trần Trung K thì ông Trần Trung K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con, chăm sóc con chung đối với bà Tân Tuyết H

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của hai con chung, khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình: Ông Trần Trung K phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0050668 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Cường;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm

